

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2026/DS-ST
Ngày: 30/6/2026
V/v “tr/c hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Thanh Phong
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Võ Hoàng Hiếu
Ông Nguyễn Văn Hiền
- *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thiên Trang - Thư ký Toà án nhân Khu vực 9 – Vĩnh Long.

Trong ngày 30/6/2026 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân Khu vực 9 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2026/TLST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 168/2026/QĐST-DS ngày 12/6/2026 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị L, sinh 1975; Trú tại: Ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long. (người đại diện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1979; Địa chỉ ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long; Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, tỉnh Vĩnh Long, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

* ***Bị đơn:*** Ông Mai Văn H, sinh năm 1975; Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1983; Trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày: Trước đây vào năm 2019 bà L có thỏa thuận bán thức ăn chăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho ông H, việc mua bán chỉ thỏa thuận miệng, hai bên thỏa thuận khi cuối vụ phía ông H xuất bán tôm thì thanh toán tất tiền, do ông H thực hiện không đúng hợp đồng, nên ngày 22/10/2019 hai bên chấm dứt việc mua bán và chốt nợ thì phía ông H còn nợ 165.500.000 đồng, bà L đòi nhiều lần nhưng không trả.

Nay yêu cầu ông H trả cho bà L số tiền nợ gốc 165.500.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Đối với phân trách nhiệm liên đới của bà Nguyễn Thị T1 vợ ông H nguyên đơn xin rút lại yêu cầu.

Bị đơn ông Mai Văn H vắng mặt và không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về thủ tục tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng quyền lợi của nguyên đơn bị xâm phạm bởi hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn bà L có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc mua bán tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn ông Mai Văn H đã được Tòa án triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, các đại diện nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và các đại diện nguyên đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Giao dịch mua bán tài sản giữa các bên, quá trình Toà án thụ lý giải quyết đã thông báo cho bị đơn ông H biết nội dung mà nguyên đơn đã yêu cầu cùng bản sao các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp kèm theo hồ sơ khởi kiện (trong đó có chứng cứ bản gốc biên nhận nợ đề ngày 22/10/2019 với số tiền ông H ký xác nhận nợ bà L 165.500.000 đồng); Toà án đã triệu tập bị đơn ông H rất nhiều lần để tiến hành hoà giải ghi nhận ý kiến của ông H đối với yêu cầu của nguyên đơn nhưng ông H cố tình né tránh không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án và phía ông H cũng không có bất cứ văn bản nào gửi Toà án thể hiện ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên buộc bị đơn ông H phải có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền trên cho nguyên đơn bà L là phù hợp. Đối với mức lãi suất nguyên đơn không yêu cầu, nên không xem xét.

[2] Đối với trách nhiệm liên đới của bà Nguyễn Thị Tuyết . Do nguyên đơn xin rút yêu cầu, nên đình chỉ xét xử.

[3] Do bị đơn ông H vi phạm nghĩa vụ, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L. Buộc ông Mai Văn H trả cho bà Lê Thị L số tiền 165.500.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà L, nếu ông H chưa thi hành xong các khoản tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của bà L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 liên đới cùng ông Mai Văn H trả số tiền 165.500.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai Văn H chịu 8.275.000 đồng. Hoàn trả cho bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.138.000 đồng theo biên lai thu số 0005189 ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL (1b);
- VKSND KV9 (2b);
- Phòng THADS KV9(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thanh Phong